

Bài 35 ÔN TẬP ĐO LƯỜNG (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Ôn tập khối lượng, đơn vị đo khối lượng (kg); dung tích và đơn vị đo dung tích (l) về:
 - + Biểu tượng đại lượng và đơn vị đo đại lượng;
 - + Thực hiện phép tính trên số đo đại lượng.
- Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến khối lượng (kg) và dung tích (l).

Phát triển năng lực

Qua hoạt động giải các bài toán thực tế, có tình huống, HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II CHUẨN BỊ

Có thể phỏng tranh vẽ ở bài 3 trang 132 và bài 3 trang 134, Toán 2 tập một, để khai thác, phát triển bài toán (nếu cần).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Ôn tập, củng cố cảm nhận, nhận biết về biểu tượng khối lượng (nặng hơn, nhẹ hơn), về đơn vị đo khối lượng (kg); biết sử dụng cân đĩa, cân đồng hồ; thực hiện phép tính cộng, trừ với số đo ki-lô-gam; vận dụng giải bài toán thực tế liên quan đến khối lượng.

Bài 1: Quan sát tranh (cầu thăng bằng), HS nhận xét và tự trả lời được các câu (đúng, sai) trong SGK.

GV gợi ý HS khi so sánh cân nặng của gấu bông và sóc bông, có thể so sánh “bắc cầu” qua thỏ bông. Chẳng hạn: Thỏ bông nhẹ hơn gấu bông (hình 1), sóc bông nhẹ hơn thỏ bông (hình 2), từ đó suy ra sóc bông nhẹ hơn gấu bông.

Bài 2: Yêu cầu HS tự thực hiện phép tính với số đo (bằng tính nhẩm hoặc đặt tính), rồi viết kết quả, chẳng hạn:

$$19 \text{ kg} + 25 \text{ kg} = 44 \text{ kg}; 63 \text{ kg} - 28 \text{ kg} = 35 \text{ kg}.$$

Bài 3: Yêu cầu HS quan sát cân (cân thỏ hoặc cân gạo), đọc kim trên cân đồng hồ hoặc đọc số ki-lô-gam ở trên cân đĩa, rồi nêu, viết số vào ô có dấu “?” trong phép tính và câu trả lời ở mỗi câu a, b. Chẳng hạn:

a) $\boxed{1} \text{ kg} + \boxed{2} \text{ kg} = \boxed{3} \text{ kg}$ b) $\boxed{5} \text{ kg} - \boxed{1} \text{ kg} = \boxed{4} \text{ kg}$

Con thỏ cân nặng $\boxed{3}$ kg.

Túi gạo cân nặng $\boxed{4}$ kg.

GV có thể cho HS giải thích vì sao khi tìm xem túi gạo cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam thì có phép trừ $5 \text{ kg} - 1 \text{ kg} = 4 \text{ kg}$.

Bài 4: Yêu cầu HS tìm hiểu, phân tích đề bài (cho biết gì, hỏi gì?), tìm phép tính thích hợp, rồi trình bày bài giải. Chẳng hạn:

Bài giải

Con lợn lúc này cân nặng là:

$$25 + 18 = 43 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 43 kg.

Bài 5: Yêu cầu HS đọc kĩ đề, phân tích giả thiết, kết luận, nêu tình huống của bài toán, chẳng hạn: “Tổng số ki-lô-gam của cả hai con dê muốn cùng nhau sang sông phải bé hơn, cùng lăm là bằng 31 kg”. Từ đó tìm hai trong ba số đo: 14 kg, 18 kg, 16 kg có tổng nào là số đo bé hơn 31 kg. Thủ chọn trong các tổng ($14 + 18 = 32$; $14 + 16 = 30$; $18 + 16 = 34$) tìm được $14 \text{ kg} + 16 \text{ kg} = 30 \text{ kg}$ ($30 \text{ kg} < 31 \text{ kg}$). Vậy hai con dê 14 kg và 16 kg có thể cùng nhau qua sông.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Ôn tập, củng cố, cảm nhận, nhận biết về dung tích (lượng nước chứa trong bình) về biểu tượng đơn vị đo dung tích (l); tính được phép tính cộng, trừ với số đo dung tích (l); vận dụng vào giải các bài toán thực tế liên quan đến dung tích và đơn vị đo dung tích (l).

Bài 1: Yêu cầu HS quan sát tranh, đếm số ca $1\ l$ ở mỗi bình, rồi hoàn thành theo yêu cầu của các câu a, b. HS chỉ cần nêu, viết số thích hợp vào ô có dấu “?”, chẳng hạn:

- + Câu a: Bình A chứa được $8\ l$ nước, bình B chứa được $5\ l$ nước.
- + Câu b: Cả hai bình chứa được $13\ l$ nước.
- Trong bài này, GV cho HS nhận biết, cảm nhận được về biểu tượng dung tích của bình (hay lượng nước chứa trong bình).

Bài 2: Yêu cầu HS tính được phép tính cộng, trừ với số đo dung tích là lít (l).

- Câu a: HS có thể tính nhẩm hoặc đặt tính rồi tính, nhưng chỉ cần viết ngay kết quả phép tính là được. Chẳng hạn:

$25\ l + 8\ l = 33\ l$	$44\ l + 19\ l = 63\ l$
$33\ l - 8\ l = 25\ l$	$63\ l - 44\ l = 19\ l$
$33\ l - 25\ l = 8\ l$	$63\ l - 19\ l = 44\ l$

GV có thể gợi ý cho HS biết từ mối quan hệ phép cộng và phép trừ để tìm kết quả phép trừ tương ứng khi biết kết quả của phép cộng. Chẳng hạn: $25\ l + 8\ l = 33\ l$ thì $33\ l - 25\ l = 8\ l$ và $33\ l - 8\ l = 25\ l$.

- Câu b: Yêu cầu HS thực hiện tính có hai dấu phép tính (thực hiện theo thứ tự từ trái sang phải), chẳng hạn:

$$15 l + 8 l + 30 l = 23 l + 30 l = 53 l; 42 l - 7 l + 16 l = 35 l + 16 l = 51 l.$$

Bài 3: Yêu cầu HS tính tổng số lít nước ở mỗi phương án A, B, C, rồi so sánh tổng số lít nước đó với 15 l, từ đó chọn phương án đúng (chọn C).

- Đọc kĩ đề bài, để thấy “rót hết nước ở thùng vào đầy các can” được hiểu là số lượng nước trong thùng bằng số lượng nước ở cả ba can đã rót đầy.
- GV có thể thay đổi tình huống khi thay đổi số lít nước ở thùng để được các bài toán khác. Chẳng hạn lượng nước trong thùng là 18 l hoặc 22 l.

Bài 4: Yêu cầu giải bài toán theo tóm tắt. HS nêu bài toán, phân tích, tóm tắt để bài (cho biết gì, hỏi gì?), tìm phép tính đúng và trình bày bài giải. Chẳng hạn:

Bài toán: Ở nhà kho có 18 thùng nước mắm. Ở cửa hàng có 4 thùng nước mắm. Hỏi có tất cả bao nhiêu thùng nước mắm ở nhà kho và cửa hàng?

Bài giải
Số thùng nước mắm có tất cả là:
 $18 + 4 = 22$ (thùng)
Đáp số: 22 thùng nước mắm.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS cung cấp bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).